

# THỰC HÀNH VỀ HÀM Ý

---

## A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Củng cố và nâng cao những kiến thức về hàm ý, về cách thức tạo lập và lĩnh hội hàm ý.

– Biết lĩnh hội và phân tích được hàm ý (trong văn bản nghệ thuật và trong giao tiếp hằng ngày). Biết dùng câu có hàm ý khi cần thiết.

## B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

### I – NỘI DUNG

#### 1. Đặc điểm bài học

– Đây là bài thực hành, có mục đích là ôn luyện và nâng cao thêm kiến thức và kĩ năng liên quan đến hàm ý. Vì thế, GV cần gợi dẫn để HS nhớ lại (hoặc xem lại) nội dung đã học ở các lớp 9 và 10.

– Thông qua các bài tập thực hành, khi phân tích ngữ liệu theo các câu hỏi, GV củng cố cho HS kiến thức về khái niệm hàm ý, về tác dụng của hàm ý và cách thức tạo hàm ý.

#### 2. Trọng tâm bài học

Thông qua luyện tập thực hành, bài học tập trung vào ôn luyện và nâng cao kiến thức và kĩ năng về các vấn đề sau :

– Khái niệm hàm ý : Hàm ý là những nội dung, ý nghĩa mà người nói có ý định truyền báo cho người nghe, nhưng không nói ra trực tiếp, chỉ ngụ ý để người nghe suy ra trên cơ sở căn cứ vào ngữ cảnh, vào nghĩa tường minh của câu và vào những phương châm hội thoại.

– Tác dụng của cách nói hàm ý : Tùy theo từng ngữ cảnh mà hàm ý có những tác dụng nhất định. Trong bài này chủ yếu quan tâm đến một số tác dụng như : (1) tạo ra hiệu quả mạnh mẽ, sâu sắc hơn cách nói thông thường (cách nói tường minh), (2) giữ được tính lịch sự và thể diện tốt đẹp của người nói hoặc người nghe, (3) làm cho lời nói có ý vị, hàm súc, (4) người nói có thể không phải chịu trách nhiệm về hàm ý,...

– Cách thức để tạo câu có hàm ý và cũng là cơ sở để nhận biết, lĩnh hội hàm ý. Bài học tập trung vào một số cách thức thường gặp như : người nói chủ ý vi phạm phương châm hội thoại (phương châm lượng tin, phương châm quan hệ, phương châm cách thức,...) hoặc dùng hành động nói gián tiếp. Những phương châm hội thoại đã được dạy và học ở chương trình Ngữ văn lớp 9, những hành động nói ở lớp 8, còn hàm ý ở lớp 9 và lớp 10.

## II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

### 1. Phương pháp dạy học

- GV gọi dẫn theo câu hỏi trong từng bài tập để HS luyện tập thực hành.
- HS làm bài tập theo cá nhân, nhóm hay tổ, sau đó GV thống nhất lời giải như phần hướng dẫn sau đây. Khi phân tích nên đối chiếu, so sánh với cách nói thông thường, có nghĩa tường minh, để dễ nhận ra hàm ý.

### 2. Tiến trình tổ chức dạy học

#### TIẾT 1

##### *Bài tập 1*

HS đọc đoạn trích rồi phân tích theo các câu hỏi.

a) Nếu căn cứ vào nghĩa tường minh trong lời đáp của A Phủ thì :

- (1) Lời đáp thiếu thông tin về số lượng bò bị mất.
- (2) Lời đáp thừa thông tin về việc “lấy súng đi bắn con hổ”.

(3) Cách trả lời của A Phủ có hàm ý công nhận bò bị mất, bị hổ ăn thịt, công nhận mình có lỗi, nhưng A Phủ khôn khéo lồng vào đó ý định lấy công chuộc tội, hơn nữa còn hé mở hi vọng con hổ có giá trị hơn nhiều so với con bò bị mất (*con hổ này to lắm*).

b) Như vậy hàm ý là những nội dung, ý nghĩ mà người nói muốn truyền báo đến người nghe, nhưng không nói trực tiếp, tường minh qua câu chữ, mà chỉ ngụ ý để người nghe suy ra. Trong lời hội thoại trên, A Phủ đã chủ ý nói vừa thiếu lượng tin cần thiết, vừa thừa lượng tin so với yêu cầu trong câu hỏi của Pá Tra, tức là chủ ý vi phạm phương châm về lượng tin để tạo ra hàm ý. Đó là công nhận việc để mất bò nhưng muốn lấy công chuộc tội (lấy súng bắn hổ).

##### *Bài tập 2*

HS đọc đoạn trích rồi phân tích theo các câu hỏi.

a) Câu nói của bá Kiến chỉ nói đến *cái kho*, nhưng nói thế là có hàm ý rằng “Tôi không có nhiều tiền của để lúc nào cũng có thể cho anh – Chí Phèo”. Cách thức nói là không trực tiếp mà thông qua một biểu tượng : *cái kho* – biểu tượng của người lắm tiền nhiều của. Đây là sự chú ý vi phạm phương châm cách thức : không nói rõ ràng, mạch lạc mà thông qua hình ảnh *cái kho* để nói bóng đến tiền của.

b) Tại lượt lời thứ nhất và thứ hai của bá Kiến có dùng những câu hỏi (*Chí Phèo đấy hở ? ; Rồi làm mà ăn chứ cứ báo người ta mãi à ?*), nhưng không nhằm mục đích hỏi, không thực hiện hành động hỏi, mà nhằm mục đích hô gọi, hướng lời nói đến người nghe (câu hỏi thứ nhất), và mục đích cảnh báo, sai khiến : thúc giục Chí Phèo làm mà ăn chứ không thể luôn đến xin tiền (câu hỏi thứ hai). Đó là cách dùng hành động nói gián tiếp, một cách thức tạo hàm ý.

c) Tại hai lượt lời đầu của Chí Phèo, hắn đều không nói hết ý (*đến đây để làm gì ?*). Phần hàm ý được tường minh hoá ở lượt lời thứ ba của hắn (*Tao muốn làm người lương thiện*). Như vậy, cách nói ở hai lượt lời đầu của Chí Phèo không đảm bảo phương châm về lượng (nói không đủ lượng tin cần thiết so với yêu cầu ở thời điểm nói) và cả phương châm cách thức (nói không rõ ràng).

### ***Bài tập 3***

HS đọc truyện cười rồi phân tích theo câu hỏi.

a) Lượt lời thứ nhất của bà đồ có hình thức câu hỏi, nhưng không phải để hỏi, mà thực hiện hành động khuyên rất thực dụng : khuyên ông đồ viết bằng giấy khổ to. Qua lượt lời thứ hai của bà, ta còn thấy lượt lời đầu có thêm hàm ý khác (không nói ra) : không tin tưởng hoàn toàn vào tài văn chương của ông, ông viết nhưng có thể bị loại bỏ vì văn kém, chứ không phải như điều *đặc chí* của ông đồ (ý văn dồi dào).

b) Bà đồ không nói thẳng ý mình ra mà chọn cách nói như trong truyện vì còn nể trọng ông đồ, muốn giữ thể diện cho ông, và cũng muốn không phải chịu trách nhiệm về cái hàm ý của câu nói.

### ***Bài tập 4***

Qua ba bài tập trên có thể nhận định : để tạo ra cách nói có hàm ý, tùy thuộc ngữ cảnh mà người nói sử dụng một cách thức hoặc phối hợp một vài cách thức với nhau. Như vậy, cần chọn phương án D.

## TIẾT 2

### *Bài tập 1*

HS đọc đoạn trích rồi phân tích theo các câu hỏi.

a) Lời bác Phô gái thực hiện hành động van xin, ông lí đã đáp lại bằng một hành động nói mỉa : mỉa mai thói quen nặng về tình cảm yếu đuối, hay thiên vị cá nhân (mà theo ông, *việc quan* cần phải lí trí, cứng rắn, khách quan,...). Bằng hành động nói mỉa đó, ông lí đã kiên quyết khước từ lời van xin của bác Phô.

b) Lời đáp của ông lí, ngoài việc thực hiện gián tiếp nhưng mạnh mẽ hành động khước từ sự van xin, và mỉa mai thói *đàn bà* của bác Phô gái, còn có hàm ý thể hiện sự tự đắc, và quyền uy của bản thân mình (khác với cách nói tường minh : Không, tôi không cho phép). Như vậy D là phương án trả lời đúng và đủ ý.

### *Bài tập 2*

HS đọc đoạn trích và phân tích theo các câu hỏi.

a) Câu hỏi đầu tiên của Từ không chỉ hỏi về thời gian mà quan trọng hơn là còn có hàm ý nhắc khéo Hộ đã đến ngày nhận tiền nhuận bút như hằng tháng, Hộ cần đi nhận. Hàm ý đó được Hộ suy ra, nhận biết được ngay và nói rõ ở lượt trả lời.

b) Câu nhắc khéo của Từ (lượt lời thứ hai) thực chất có hàm ý là : muốn Hộ đi nhận tiền về để trả nợ tiền thuê nhà (thực hiện gián tiếp thông qua hành động thông báo về việc *người thu tiền nhà sáng nay* đã đến).

c) Tại cả hai lượt lời, Từ tránh nói trực tiếp đến vấn đề “*com áo gạo tiền*”. Từ đã chọn cách nói gián tiếp, có hàm ý, nhằm nhiều mục đích : muốn quan hệ tình cảm vợ chồng được êm ái, tránh nổi bực dọc của Hộ, muốn ứng xử tế nhị với chồng, muốn không phải chịu trách nhiệm về những hàm ý mà người nghe suy ra.

### *Bài tập 3*

HS xem lại bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh và nhận định : Lớp nghĩa tường minh của bài thơ là nói về sóng biển, còn hàm ý là nói đến tình yêu đậm thắm của một người con gái. *Sóng* là một tín hiệu thẩm mỹ, những từ ngữ nói về sóng có lớp nghĩa thứ hai là nói về tình yêu lứa đôi. Hai lớp nghĩa này hoà quyện, phối hợp với nhau trong suốt bài thơ. Tác phẩm văn học dùng cách thể hiện bằng hàm ý thì sẽ nổi bật đặc trưng tính hình tượng, đặc trưng hàm súc, giàu ý nghĩa.

### *Bài tập 4*

Qua các bài tập ở hai tiết thực hành về hàm ý, HS đi đến nhận định : cách nói có hàm ý trong những ngữ cảnh cần thiết mang lại những tác dụng và hiệu quả

giao tiếp rất lớn. Tuy nhiên, tùy theo từng ngữ cảnh mà hàm ý có một tác dụng hay một số tác dụng. Chẳng hạn :

– Có hiệu quả mạnh mẽ, sâu sắc hơn cách nói trực tiếp, tường minh (ví dụ : lời ông lí nói với bác Phô gái, lời Chí Phèo nói với bá Kiến,...).

– Thể hiện được sự tế nhị, khéo léo và tính lịch sự trong giao tiếp ngôn ngữ, giữ được thể diện của các nhân vật trong giao tiếp (ví dụ : lời Từ nói với Hộ, lời bà đồ nói với chồng,...).

– Tạo ra những lời nói hàm súc, nói được nhiều hơn những điều mà từ ngữ thể hiện (ví dụ : lời của A Phủ nói với Pá Tra, bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh,...).

– Người nói có thể không phải chịu trách nhiệm về hàm ý (ví dụ : lời Từ nói với Hộ,...).

Như vậy, phương án D là câu trả lời đúng và đủ ý nhất.

### ***Bài tập 5***

Trong những câu trả lời ở bài tập, chỉ có hai câu trả lời thuộc loại trực tiếp, không dùng hàm ý (*Rất thích ; Thích nhất trong các truyện ngắn Việt Nam*). Còn lại đều là những câu trả lời có hàm ý, dù là ý khẳng định hay phủ định.

### **III – TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học*, tập hai – *Ngữ dụng học*, NXB Giáo dục, 2003.
2. Nguyễn Đức Dân, *Ngữ dụng học*, NXB Giáo dục, 1998.
3. Nguyễn Thiện Giáp, *Dụng học Việt ngữ*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000.
4. Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt, sơ thảo ngữ pháp chức năng*, NXB Giáo dục, 2004.
5. Bùi Minh Toán – Nguyễn Ngọc San, *Tiếng Việt*, tập 3, NXB Giáo dục, 2000.